



TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3 ( LILAMA 45.3, JSC)  
Địa chỉ: Lô 4k' - Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi.  
Tel: 0255.3710320; Fax: 0255.3710313.  
Email: [info@lilama45-3.com](mailto:info@lilama45-3.com); Website: [www.lilama45-3.com](http://www.lilama45-3.com)



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



*(Ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015  
của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

*Quảng Ngãi, tháng 3/2019*

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

-----\*\*\*\*-----



**LILAMA 45.3**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

**NĂM 2018**

# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	
1.	Thông tin khái quát.....	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4.	Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5.	Định hướng phát triển.....	7
6.	Các rủi ro.....	7
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>9</b>
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2.	Tổ chức và nhân sự.....	10
3.	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư.....	14
4.	Tình hình tài chính.....	15
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	16
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	17
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>18</b>
1.	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.....	18
2.	Tình hình tài chính.....	19
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý.....	21
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	22
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>25</b>
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	25
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	25
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	26
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>27</b>
1.	Thành viên Hội đồng quản trị.....	27
2.	Ban kiểm soát.....	32
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	35
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>36</b>
1.	Ý kiến của kiểm toán.....	36
2.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm 24 trang đính kèm	36

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

TÊN CÔNG TY	: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	4400135344
Vốn điều lệ	: 35.000.000.000đồng
Địa chỉ	: Lô4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi.
Số điện thoại	: 0255.3710 321
Số FAX	: 0255.3710 313
Website	: www.Lilama45- 3.com
Mã cổ phiếu	: L43

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ xây dựng.

- Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2005 là 4.565.889.766 đồng.

- Ngày 11/11/2005 Bộ xây dựng có Quyết định số 2112/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 6.815.000.000đồng (Vốn nhà nước chiếm 51%)

- Ngày 24/03/2006 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-BXD của Bộ trưởng BXD với số vốn điều lệ là: 6.815.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng (Chiếm 51%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 3.339.000.000 đồng (Chiếm 49%). Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

- Ngày 22/03/2007 Bộ xây dựng có Quyết định số 454/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2006 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước: Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 45.3.

- Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), đến ngày 01/07/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã tăng lên 35.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 51%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007.

- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai ngày 27 tháng 12 năm 2007, thay đổi giấy phép lần thứ ba vào ngày 20 tháng 03 năm 2008, và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ tư vào ngày 06 tháng 08 năm 2009 để thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp.

- Ngày 08/04/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 128/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3. Ngày 11/06/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (L43) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Thực hiện tái cấu trúc sở hữu theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025, thời điểm hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 tỷ đồng. Trong đó: vốn nhà nước chiếm 40,83% (tương đương 1.429.000 CP), các cổ đông khác chiếm 59,17% (tương đương 2.071.000 CP).

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **+ Ngành nghề kinh doanh:**

Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí; vận tải hàng hoá bằng đường bộ và vận tải hành khách đường bộ khác

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

#### **+ Địa bàn kinh doanh:**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Trụ sở/ Chi nhánh

Trụ sở chính

Địa điểm

Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong

Chi nhánh

Chi nhánh

Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi  
Khu bãi chứa thiết bị và kỹ thuật Lilama tại Dung Quất  
Trung tâm tư vấn thiết kế Lilama 45.3 - Lô4 K Tôn Đức  
Thắng - TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi

Chủ yếu các công trình trải dài từ Miền Bắc như: dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy Gang thép Thái Nguyên; Nhà máy nhiệt điện Thái Bình. Các công trình từ Miền trung và Tây Nguyên như: TĐ Sông Tranh 3 và Sông Tranh 4 (Quảng Nam), TĐ Sơn Tây - Quảng Ngãi; TĐ ĐăkRe – Kon Tum; TĐ Đăk Pô Cô – Kon Tum; nhà máy điện gió Trung Nam – Ninh Thuận đến công trình tại TP Hồ Chí Minh như: Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh vv..

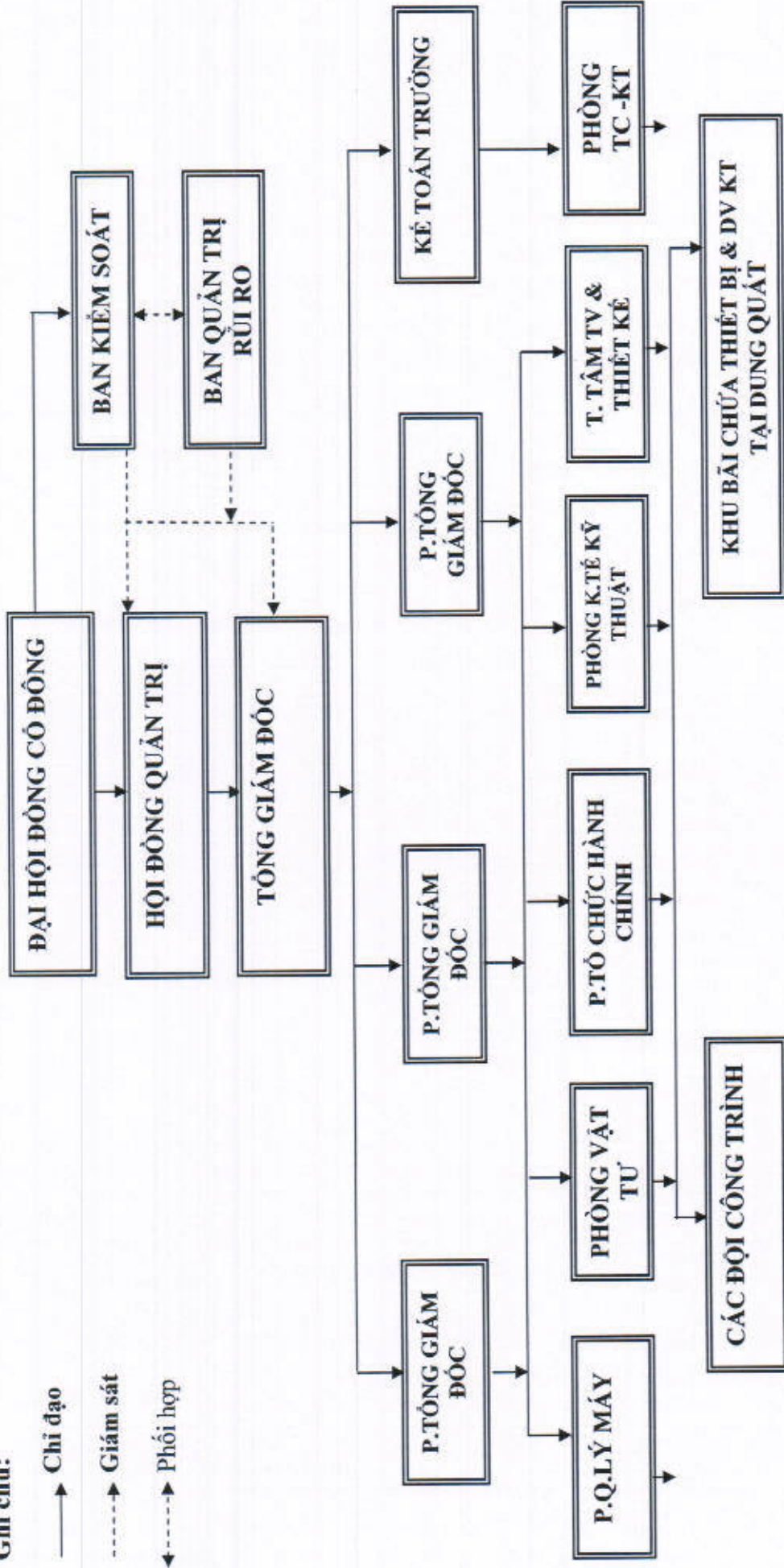
#### 4. Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý

Ghi chú:

→ Chỉ đạo

-----> Giám sát

↔ Phối hợp



**4.1- Mô hình quản trị:** Công ty Cổ phần Lilama 45.3 thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

- \* Đại hội đồng cổ đông:
- \* Hội đồng quản trị:
- \* Ban kiểm soát
- \* Ban Tổng Giám đốc
- \* Các bộ phận quản lý

**4.2 – Cơ cấu bộ máy quản lý:** Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đến ngày 31/12/2018 gồm Ban Tổng Giám đốc; 05 phòng ban; 01 trung tâm tư vấn thiết kế; 01 khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất và 13 đội công trình trực thuộc Công ty.

- + Ban Tổng Giám đốc
- + Phòng Tổ chức hành chính
- + Phòng Tài chính kế toán
- + Phòng Vật tư thiết bị
- + Phòng Kinh tế kỹ thuật
- + Phòng Quản lý máy
- + Trung tâm tư vấn thiết kế
- + Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất
- + 13 đội công trình trực thuộc gồm:

- Đội công trình Nhà máy thủy điện Bắc Mê
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Cẩm Thủy 1
- Đội công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình
- Đội công trình Nhà máy gang thép Thái Nguyên
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Tranh 3
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Tranh 4
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Đăm Bôl – Lâm Đồng
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Sơn Tây
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Đăk PôCô
- Đội công trình Nhà máy thủy điện ĐăkRe
- Đội công trình Nhà máy điện gió Trung Nam – Ninh Thuận
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Sơn Tây - Quảng Ngãi
- Đội công trình Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh

**+ Các Công ty có liên quan**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
- Công ty dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, Công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP nắm giữ 1.429.000 cổ phần chiếm 40,83% vốn điều lệ.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Năm 2018 chưa thoái được vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn, năm 2019 sẽ tiếp tục thực hiện.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:





Công ty nắm giữ dưới 51% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 45.3 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh chính: Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện...

## 5. Định hướng phát triển

### \* **Tầm nhìn:**

Công ty cổ phần Lilama 45.3 phấn đấu trở thành một nhà thiết kế, cung cấp thiết bị, phụ tùng và dịch vụ hàng đầu trong nước và khu vực, hướng đến là nhà tổng thầu chuyên nghiệp thực hiện EPC các nhóm ngành dầu khí (lọc hóa dầu, giàn khoan dầu khí, công nghệ chế biến, khác..). Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp thông qua tái cấu trúc để Công ty có thể phát triển bền vững.

### • **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

#### • **Chiến lược phát triển kinh doanh**

Công ty tiếp tục tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là: Xây lắp và gia công chế tạo thiết bị. Xây dựng Lilama 45.3 trở thành thương hiệu mạnh trên thị trường có tiềm năng tăng trưởng và cạnh tranh.

#### • **Chiến lược hoàn thiện phương thức quản lý, điều hành và mô hình quản trị:**

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản trị và điều hành.

- Hoàn thiện mô hình quản lý xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, mô hình quản lý đầu tư, quản lý nhân sự, người đại diện tại đơn vị góp vốn, xây dựng cơ chế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các dự án lớn.

- Xây dựng môi trường làm việc văn minh chuyên nghiệp: đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động, lợi ích của doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

#### • **Chiến lược tài chính:**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế của Công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán.

- Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro trong hoạt động tài chính.

- Có các giải pháp nâng cao năng lực cán bộ trong công tác tài chính, kế toán.

- Và các nội dung khác có liên quan.

#### \* **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Xây dựng môi trường làm việc dân chủ, năng động, đảm bảo trật tự an ninh xã hội, hoạt động sản xuất không để gây ảnh hưởng đến môi trường, xã hội xung quanh, góp phần xây dựng kinh tế xã hội phát triển.

## 6. Các rủi ro:

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 là xây lắp và gia công chế tạo thiết bị luôn chứa đựng nhiều tiềm ẩn và rủi ro. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh

nghiệp, tăng lợi thế cạnh tranh, Công ty luôn coi việc quản lý rủi ro như một phần trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

### **6.1. Rủi ro về pháp luật:**

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định về đất đai môi trường v.vv....

Do vậy trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ liên quan đến ngành Xây - lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi về chế độ chính sách của các cơ quan ban, ngành điều chỉnh không kịp thời, đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **6.2. Rủi ro đặc thù ngành và công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường**

Do đặc thù ngành Xây - lắp thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn, hoạt động lắp thiết bị rất phức tạp điều kiện làm việc ngoài trời với chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó phải phụ thuộc vào tiến độ cung cấp thiết bị của Chủ đầu tư, việc bàn giao mặt bằng của đơn vị xây dựng làm kéo dẫn tiến độ của hợp đồng cũng như tăng chi phí đầu vào.

Do điều kiện làm việc ngoài trời việc thi công đều ở trên cao nên nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động và độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, Công ty cần phải quan tâm đến vấn đề hướng dẫn về an toàn lao động và trang bị đầy đủ cho công nhân trên các công trường, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm, các biện pháp an toàn lao động trước khi triển khai thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công Công ty cần thực hiện mua bảo hiểm cho xe, cầu và con người trên các công trường.

Thời gian quyết toán và thu hồi vốn các công trình xây lắp thường kéo dài, tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt rủi ro trong công tác thu hồi vốn cần đốc thúc khách hàng trong việc thanh toán công nợ, tránh tồn đọng công nợ.

### **6.3. Rủi ro về nhân sự:**

Công ty cổ phần Lilama 45.3 luôn đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức nhân sự là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty. Tuy nhiên việc bị các đối thủ cạnh tranh trên thị trường lôi kéo, chào mời với mức đãi ngộ hấp dẫn hơn là điều khó tránh khỏi, do vậy ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng tới môi trường làm việc, mức lương thưởng cho đội ngũ CBCNV và người lao động yên tâm công tác. Đồng thời tiếp tục đào tạo nguồn cán bộ kế cận trong giai đoạn tiếp theo để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.

### **6.4. Rủi ro về thị trường:**

Nước ta ra nhập các tổ chức thương mại quốc tế WTO, TPP sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, việc mở rộng thị trường sẽ tạo

ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài cạnh tranh về kỹ thuật, máy móc thiết bị và trình độ tay nghề với các doanh nghiệp trong nước.

#### 6.5. *Rủi ro về đối tác và khách hàng.*

Trước khi tham gia đấu thầu hoặc nhận thầu các dự án, Ban điều hành công ty cùng các bộ phận chủ chốt khác sẽ có đánh giá chi tiết, cụ thể tiềm lực tài chính của Chủ đầu tư, nguồn vốn cho dự án. Có thực hiện triệt để các công tác này mới đảm bảo các dự án có hiệu quả, tránh tình trạng rủi ro chủ đầu tư chiếm dụng vốn và ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn toàn công ty.

#### 6.6. *Rủi ro khác:*

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh dịch bệnh...đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như làm chậm tiến độ gây thiệt hại đến các hạng mục công trình đang thi công.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1, Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

*ĐVT: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2017
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	525.857	149.440	28,4	34,6
2	Tổng doanh thu	410.500	114.954	28,0	34,6
3	Lợi nhuận trước thuế	1.550	(28.894)	(1.864,2)	(1.930,4)
4.	Lợi nhuận sau thuế	1.240	(28.911)	(2.331,6)	(6.727,7)
5.	Nộp ngân sách	14.960	4.537	30,3	28,3
6.	Đầu tư XDCB	12.700	80	0,6	1,5
7.	Tổng quỹ lương	119.045	40.476	34,0	89,5
8.	Lao động bình quân	1.170	397	33,9	52,9
9.	Thu nhập BQ (người/tháng)	8.479	8.496	100,8	102,6
10.	Dự kiến cổ tức (%)	0			

Trong năm 2018 các chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch: doanh thu đạt 28% so với KH, lợi nhuận trước thuế âm 28,9 tỷ đồng, đầu tư XDCB đạt 0,6% so với KH, tổng quỹ lương đạt 34% so với KH, tổng số lao động đạt 33,9% so với KH, do nhiều nguyên nhân trong đó có chỉ tiêu doanh thu không đạt do dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh kéo dài tiến độ thi công.

#### *Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh*

##### ➤ **Thuận lợi**

- Năm 2018 nền kinh tế trong nước tiếp tục tăng trưởng, lãi suất cho vay ổn định và giảm nhiều so với các năm trước.



- Luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam trong việc hỗ trợ thanh toán và tổ chức quản lý thi công các dự án lớn.

- Sự đoàn kết nhất trí cao trong Ban lãnh đạo Công ty kết hợp chặt chẽ của các tổ chức Đoàn thể trong Công ty quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn.

➤ **Khó khăn.**

- Sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp tư nhân ở lĩnh vực xây lắp và chế tạo thiết bị là đối thủ cạnh tranh gay gắt của Công ty trong quá trình tìm kiếm việc làm và mở rộng thị trường.

- Tình hình tài chính tiếp tục khó khăn, hàng tồn kho, nợ phải thu và phải trả cao, vốn điều lệ thấp (35 tỷ đồng) do vậy các Tổ chức tín dụng kiểm tra và xây dựng hạn mức với các điều kiện khắt khe, giá trị còn lại của tài sản cố định thấp và không có tài sản đảm bảo nên phải thực hiện ký quỹ bảo lãnh dẫn đến thiếu vốn cho SXKD.

- Công tác đối chiếu thanh quyết toán dự án Gang thép Thái Nguyên và bù giá cho khối lượng phát sinh đã thi công dự án Hangar A75 thực hiện quá chậm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính dẫn đến việc thẩm định cho vay ngắn hạn các dự án của Công ty càng trở lên khó khăn hơn.

- Công tác quản lý và điều hành còn nhiều hạn chế do các công trình phân tán nhiều nơi, nhiều vùng có địa lý khác nhau dẫn đến chi phí di chuyển máy móc thiết bị, con người ngày càng tăng, Dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh có giá trị hợp đồng rất lớn nhưng tạm dừng thi công đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp.

- Trong quá trình đấu thầu và triển khai thi công công trình, chưa lường hết được các yếu tố trong đấu thầu, bóc dự toán còn thiếu dẫn đến phát sinh các chi phí chưa được phê duyệt dẫn đến nghiệm thu, quyết toán kéo dài.

- Chưa thoái được hết vốn đầu tư ngoài ngành để bổ sung vốn lưu động, bên nhận chuyển nhượng chưa thanh toán hết số tiền thiếu 21,1 tỷ đồng, việc chuyển nhượng vốn phải kéo dài sang năm 2019.

**2. Tổ chức và nhân sự :**

**\* Danh sách Ban điều hành:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1.	Hoàng Việt	TGD	55.000	1,57%	
2.	Trần Quang Du	PTGD	27.000	0,77%	
3.	Mạc Thanh Hải	PTGD	17.700	0,51%	
4.	Phạm Văn Thìn	PTGD	35.000	1,00%	
5.	Cù Thanh Nghị	KTT	2.000	0,06%	
6.	Vũ Quang Thế	TP vật tư	10.000	0,29%	

7.	Liên văn Chánh	TP KT-KT	16.500	0,46%	
8.	Lê Ánh Thành	TP TC-HC	2.000	0,06%	
9.	Nguyễn Xuân Tín	TP QLM	5.200	0,15%	

## 2.1 Ban Tổng giám đốc.

<b>Ông Hoàng Việt</b>	<b>Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc</b>
Năm sinh:	21/09/1973
Nơi sinh:	Phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác	
03/1998 – 09/1999	Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
09/1999 – 12/2000	Trưởng phòng KT Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
01/2001 – 04/2006	Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 07/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3
08/2009 – T10/2015	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty.
T10/2015 – nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3.
<b>Ông Trần Quang Du</b>	<b>Phó Tổng giám đốc</b>
Năm sinh:	05/08/1970
Nơi sinh:	Bệnh viện thị xã Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Yên Sơn - Thị xã Tuyên Quang.
Địa chỉ thường trú:	15/40 đường Bà Triệu, phường Lê Hồng Phong, thành Phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
1997 – 1998	Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7
1998 – T09/2009	Đội trưởng các công trình thuộc Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3
<b>Ông Mạc Thanh Hải</b>	<b>Phó Tổng giám đốc</b>
Năm sinh:	16/06/1975
Nơi sinh:	Đồng Lưu – Yên thế - Bắc Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Nùng
Quê quán:	Đồng Lưu – Yên Thế - Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	Lô 4K Tôn Đức Thắng – Thành Phố Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
T11/1999 – 2000	Kỹ thuật CT NM thủy điện Đa My Công ty LM & XD 45.3
2000	Quản lý dự án Phòng KT-KT
2001	Phó chỉ huy trưởng CTNM đường Trà Vinh
2002	Chỉ huy trưởng NM Bông Tâm Thắng
2003	Phó chỉ huy trưởng CT NM nhiệt điện Phú Mỹ 4
T08/2003 – 2004	Giám đốc nhà máy CK Lilama 45.3, kiêm chỉ huy trưởng CT nhà máy thủy sản Nha Trang
2004	Phó chỉ huy trưởng CT Nm xi măng Sông Gianh
T11/2005 – 2008	Phó chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T01/2009 – T03/2010	Chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T04/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3
<b>Ông Phạm Văn Thìn</b>	<b>Phó Tổng giám đốc</b>
Năm sinh:	26/12/1975
Nơi sinh:	Xã Tây Hiếu – TX Thái Hoà - Nghệ An

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hưng Xuân – Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	163 An Dương Vương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
T4/2004-T11/2004	Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy & XD số 18
T12/2004-T02/2008	Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T03/2008-T07/2009	Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2009 – T07/2010	Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2010 –T07/2016	TV HĐQT - Kế toán trưởng Công ty
T07/2016 – nay	Thành viên HĐQT – Phó TGD Công ty CP LILAMA 45.3

## 2.2 Kế toán trưởng.

<b>Ông Cù Thanh Nghị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>
Năm sinh:	19/09/1983
Nơi sinh:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
2004-2010	Nhân viên phòng TC-KT Công ty cổ phần Lilama 45.3
2011-T12/2016	Phó phòng TC-KT, Công ty cổ phần Lilama 45.3
T07/2016 – nay	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Lilama 45.3

**+ Thay đổi trong Ban điều hành Công ty trong năm: Không có**



**+ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

- Tổng số lao động đến 31/12/2018 là 355 người; trong đó: nam 343 người, 12 nữ, kỹ sư và cử nhân 86 người.

**+ Chính sách đối với người lao động:**

*\*Về tiền lương và giải quyết chế độ cho người lao động :*

- Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương trên cơ sở gắn tiền lương với hiệu quả công việc và năng suất lao động. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

- Thực hiện chế độ thi nâng bậc và nâng lương, chế độ ốm đau, thai sản , nghỉ hưu cho CBCNV - Người lao động trong công ty theo đúng quy định.

- Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

*\* Về công tác đào tạo:*

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí mở các lớp đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Định kỳ tổ chức các lớp học thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

*\*Về chính sách khen thưởng:*

Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

*\* Công tác đời sống đối với CBCNV:*

- Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.

- Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.

- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ cho các gia đình là con em liệt sỹ kịp thời, đúng đối tượng, thực hiện tốt công tác xã hội tại địa phương.

**3. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:**

**a, Các dự án đầu tư:**

\* Dự án khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất: dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, đã quyết toán trong Quý II năm 2014 để hình thành tài sản và đang chuẩn bị quyết toán giai đoạn 2.





\* Dự án đầu tư thiết bị phương tiện thi công từ năm 2009 đến năm 2020: Lũy kế thực hiện 9,5 tỷ đồng, trong năm 2018 giá trị đầu tư thấp, chỉ tập trung sửa chữa, tận dụng thiết bị hiện có để thi công các công trình.

\* Dự án đầu tư tài sản cố định thông qua thuê mua tài chính 27,6 tỷ đồng, đã thực hiện thuê mua tài chính lũy kế đến 31/12/2018 là: 13,7 tỷ đồng, số còn lại chưa thực hiện: 13,8 tỷ đồng.

**b, Công ty con: Không có**

**c, Công ty liên kết: Không có**

#### 4, Tình hình tài chính

*ĐVT: 1000đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	TH 2018/2017 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	591.526.011	553.456.881	93,6
2	Doanh thu thuần	331.912.460	114.954.282	34,6
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	1.568.115	(30.625.679)	(1.953,0)
4	Lợi Nhuận khác	(71.323)	1.731.109	(2.427,1)
5	Lợi nhuận trước thuế	1.496.792	(28.894.570)	(1.930,4)
6	Lợi nhuận sau thuế	429.741	(28.911.858)	(6.727,7)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

#### - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2017
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		10,20	10,24
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		89,80	89,76
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		91,36	87,03
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		8,64	12,97
3	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,40	0,57
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn		0,98	1,04
4	<b>Khả năng sinh lời</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		(5,22)	0,07
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		(25,15)	0,13

	- Khả năng thanh toán nhanh		0,40	0,57
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn		0,98	1,04
<b>4</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		(5,22)	0,07
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		(25,15)	0,13
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		(46,42)	0,56
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		(82,61)	1,23

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 là 0,98 nhỏ hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính chưa đảm bảo khả năng thanh toán được ngay các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Cơ cấu nguồn vốn: năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017, Công ty phải sử dụng đòn bẩy tài chính cao từ 87,03% lên 91,36%, vì vậy Công ty tiếp tục tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ để giảm dư nợ vay ngắn hạn.

Năm 2018 kết quả sản xuất kinh doanh lỗ 28,9 tỷ đồng giảm hơn rất nhiều so với năm 2017. Công ty không bảo toàn được nguồn vốn kinh doanh.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2018 là:  
Tại thời điểm 31/12/2018 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{47.829.846.474}{3.500.000} = 13.665,6 \text{ đồng}$$

Giá trị sổ sách = 13.665,6 đồng (đồng/CP)

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a, Cổ phần tại ngày 31/12/2018:

Mã chứng khoán L43

- Tổng số lượng cổ phần : 3.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: không có
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đồng /cổ phiếu

### b, Cơ cấu cổ đông.

\* Tình hình cơ cấu cổ đông: Theo số liệu sổ CE chốt ngày 25/03/2019 như sau:

TT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông
----	----------	-------------	---------	------------------	----------------



<b>Tổng số lượng cổ phiếu</b>		<b>3.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>259</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>Cá nhân</b>
<b>1</b>	<b>Cổ đông sở hữu từ 5% CP trở lên</b>	<b>1.963.400</b>	<b>56,09%</b>	<b>3</b>	<b>1.963.400</b>	<b>0</b>
	- Trong nước			3	1.963.400	
	- Ngoài nước				0	0
<b>2</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>1.536.600</b>	<b>43,90%</b>	<b>256</b>	<b>46.700</b>	<b>1.489.900</b>
	- Trong nước	1.536.100	43,90%	255	46.700	1.489.400
	- Ngoài nước	500	0,014%	1		500

**\* Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai – TP Hà Nội	1.429.000	40,83%
2.	Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	Khu Công nghiệp Khai Quang, P Khai Quang, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	359.400	10,26%
3.	Công ty Cổ phần kiểm định kỹ thuật Việt Nam	60A Cầu Bè – TP Nha Trang – Khánh Hòa	175.000	5,00%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.963.400</b>	

*c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có*

*d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có*

*e, Các chứng khoán khác: Không có*

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

Là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, coi yếu tố môi trường là một phần quan trọng trong sản phẩm của mình.

29/05/2015 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí tại Dung Quất – Quảng Ngãi và thực hiện các dự án thi công tại các địa phương, Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã nghiêm chỉnh thực hiện cam kết bảo vệ môi trường như sau:

- Để đảm bảo tác động của môi trường là thấp nhất, triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng điện, nước hiệu quả nhất. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc Luật bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí nhất là giai đoạn hoạt động của dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải (sinh hoạt, nước mưa chảy tràn) và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra môi trường, đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, sản xuất, nguy hại...) theo đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường tại địa phương nơi đơn vị thi công.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*DVT : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh (%)	
				TH 2018/TH 2017	TH2018/ KH 2018
Tổng doanh thu	331.912	410.500	114.954	34,6	28,0
Lợi nhuận thực hiện trước thuế	1.496	1.550	(28.894)	(1.930,4)	(1.864,2)
Lợi nhuận thực hiện sau thuế	429	1.240	(28.911)	(6.727,7)	(2.331,6)



Năm 2018 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc khắc phục tài chính tiếp tục gặp nhiều vướng mắc, nợ phải thu giảm mạnh so với đầu năm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ và nợ phải trả ngắn hạn cao, do vậy hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao (10,6 lần), hệ số nợ vay tín dụng và Tổng công ty trên vốn điều lệ là 5,6 lần (195,7 tỷ đồng/35 tỷ đồng) luôn trong tình trạng vượt quá so với quy định. Doanh thu thấp, các khoản chi phí không giảm có xu hướng tăng cao, dẫn tới kết quả SXKD bị lỗ, dòng tiền không được cải thiện tiếp tục suy giảm, vòng quay vốn kéo dài, tiềm ẩn nhiều rủi ro mất cân đối về tài chính khiến công ty gặp khó khăn trong việc trả nợ vay đến hạn.

## 2, Tình hình tài chính

### a, Tình hình tài sản :

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

*DVT : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>496.984</b>	<b>530.953</b>	<b>(33.968)</b>	<b>93,6</b>
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	13.858	15.474	(1.615)	89,6
2 - Các khoản phải thu ngắn hạn	207.740	276.910	(69.170)	75,0
3 - Hàng tồn kho	292.486	238.568	53.918	122,6
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>56.472</b>	<b>60.572</b>	<b>(4.100)</b>	<b>93,2</b>
1 - Các khoản phải thu dài hạn	1.880	1.891	(10)	99,4
2 - Tài sản cố định	26.939	30.763	(3.823)	87,6
3 – Tài sản dở dang dài hạn	0	0	-	-
4 - Đtư tài chính dài hạn	25.600	25.600	-	100
5 - Tài sản dài hạn khác	2.051	2.318	(266)	88,5
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>553.456</b>	<b>591.526</b>	<b>(38.069)</b>	<b>93,6</b>

- Tổng tài sản cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 38,0 tỷ đồng, giảm 6,4% chủ yếu là giảm tài sản lưu động cụ thể là: các khoản phải thu ngắn hạn giảm 69,1 tỷ đồng, giảm 25,% so với đầu kỳ (chủ yếu giảm nợ phải thu khách hàng 65,9 tỷ đồng, giảm tiền ứng trước cho khách hàng mua vật tư: 7,8 tỷ đồng); tuy nhiên chi phí SXKD dở dang cuối kỳ



tăng 53,9 tỷ đồng, tăng 22,6% so với đầu kỳ do chưa nghiệm thu lên phiếu giá kết chuyển vào doanh thu và công nợ trong kỳ, trong đó: dự án Hangar A75 chi phí SXKD dở dang cuối kỳ: 60,9 tỷ đồng/292,0 tỷ đồng chiếm 20,8%, dự án mở rộng Gang thép Thái Nguyên 25,7 tỷ đồng chiếm 8,8% chi phí SXKD dở dang; dự án chống ngập TP Hồ Chí Minh chi phí SXKD dở dang 158,7 tỷ đồng, chiếm 54,3% chi phí SXKD dở dang cuối kỳ đến ngày 31/12/2018.

- Trong kỳ do thu hồi được khoản nợ xấu 3,2 tỷ đồng từ công trình nhà máy thủy điện La La - Quảng Trị nên Công ty đã hoàn nhập khoản trích dự phòng 3,2 tỷ đồng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Tài sản dài hạn giảm do trong kỳ không thực hiện mua sắm tài sản cố định và có thực hiện thanh lý một số tài sản cố định.

- Nợ phải thu tăng và hàng tồn kho cao (480,0 tỷ đ/553,4 tỷ đồng chiếm 86,7%) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty.

**b, Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:**

*DVT : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>505.649</b>	<b>514.784</b>	<b>(9.135)</b>	<b>98,2</b>
1 - Nợ ngắn hạn	504.964	512.131	(7.167)	98,6
2 - Nợ dài hạn	684	2.652	(1.967)	25,8
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>47.829</b>	<b>76.741</b>	<b>(28.912)</b>	<b>62,3</b>
1 - Vốn chủ sở hữu	47.829	76.741	(28.912)	62,3
2- Vốn điều lệ	35.000	35.000	-	100
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>553.456</b>	<b>591.526</b>	<b>(38.069)</b>	<b>93,6</b>

- Tổng nguồn vốn giảm 38,0 tỷ đồng chủ yếu do: nợ phải trả giảm 9,1 tỷ đồng giảm 1,8%, trong đó nợ ngắn hạn giảm 7,1 tỷ đồng, giảm 1,4%, phải trả người bán tăng 4,3 tỷ đồng, tăng 5,8%, tiền ứng trước của khách hàng tăng 4,8 tỷ đồng, tăng 3,1% so với đầu kỳ, các khoản nợ các tổ chức tín dụng giảm 14,9 tỷ đồng, giảm 8,1%.

- Vốn chủ sở hữu giảm 28,9 tỷ đồng, giảm 37,7% so với đầu kỳ do lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong kỳ bị lỗ 28,9 tỷ đồng và công ty đã trích 171 triệu đồng từ lợi nhuận năm 2017 bổ sung vào các quỹ theo quy định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, vì vậy Công ty đã không bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

- Hệ số nợ phải trả bằng 10,6 lần vốn chủ sở hữu, nợ vay ngắn, dài hạn các tổ chức tín dụng và Tổng công ty là: 195,7 tỷ đồng bằng 5,6 lần vốn điều lệ.

**c, Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018***ĐVT: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017	TH2018/TH2017 (%)
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	114.954	331.912	34,6
2. Giá vốn hàng bán	121.278	305.737	39,7
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	(6.324)	26.174	(24,2)
4. Doanh thu hoạt động tài chính	246	91	270,3
5. Chi phí tài chính	19.371	16.803	115,3
- Trong đó: Lãi vay phải trả	19.371	16.503	117,4
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.176	7.894	65,6
7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	(30.625)	1.568	(1953,1)
8. Thu nhập khác	4.319	4.472	96,6
9. Chi phí khác	2.588	4.544	57,0
10. Lợi nhuận khác	1.731	(71)	(2438,0)
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.894)	1.496	(1931,4)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	1.067	1,6
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(28.911)	429	(6739,2)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.261)	123	(6716,3)

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2018 cho thấy tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, lợi nhuận trước thuế và sau thuế bị lỗ 28,9 tỷ đồng, do trong kỳ kế toán Công ty đã kết chuyển giá vốn một số công trình đã thi công xong bàn giao nhưng chưa quyết toán được với Nhà thầu chính do vướng hồ sơ pháp lý, hoặc đã quyết toán nhưng do kết chuyển chi phí không phù hợp với doanh thu dẫn đến bị lỗ vào giai đoạn quyết toán, ngoài ra các khoản chi phí tài chính, chi phí quản lý ngày càng tăng không giảm.

**3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.**

Bổ sung, sửa đổi và ban hành các quy chế quản lý nội bộ như sau:

- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành kèm theo QĐ số 08/CT-BKS ngày 28/06/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới)

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Điều lệ Công ty đã ban hành theo Luật doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC, ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính quy định về Quản trị Công ty; đã thực hiện và ban hành trong tháng 04/2018 ( kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018).

- Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty số 40/2018/HĐQT ban hành ngày 10/05/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới).

- Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ Công ty Cổ phần Lilama 45.3 ban hành kèm theo QĐ số 47/2018/HĐQT ngày 28/06/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới)

- Quy chế phân cấp và quản lý đầu tư Công ty cổ phần Lilama 45.3 ban hành kèm theo QĐ số 48/2018/HĐQT ngày 29/06/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới).

- Chính sách quản trị rủi ro do Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo QĐ số 50/2018/HĐQT ngày 29/06/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới)

- Ban hành kế hoạch giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong SXKD, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018 Công ty cổ phần Lilama 45.3 ban hành kèm theo QĐ số 51/2018/HĐQT ngày 15/06/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới).

- Quy chế Quản lý tài chính Công ty Cổ phần Lilama 45.3 ban hành kèm theo QĐ số 52/2018/HĐQT ngày 02/07/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới)

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Lilama 45.3 ban hành theo QĐ số 53/2018/HĐQT ngày 02/07/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới)

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo QĐ số 54/2018/HĐQT ngày 02/07/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới)

- Quy chế hoạt động của HĐQT và quan hệ phối hợp với Tổng giám đốc Công ty ban hành kèm theo QĐ số 55/2018/HĐQT ngày 02/07/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới)

- Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo QĐ số 56/2018/HĐQT ngày 02/07/2018 (đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới).

- *Các biện pháp kiểm soát.*

+ Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách và các phòng nghiệp vụ liên quan.

+ Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp đội công trình thi công và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến thi công.

+ Phòng Tổ chức hành chính giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, trang bị BHLĐ...)

+ Phòng Kinh tế - Kỹ thuật phối hợp với phòng Tài chính kế toán lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

+ Phòng Quản lý máy giám sát quá trình sử dụng xe, cầu, máy móc thiết bị thi công đảm bảo tiết kiệm chi phí và an toàn, đồng thời đề xuất với Ban lãnh đạo đầu tư, mua sắm một số tiết bị, phương tiện phù hợp với nhu cầu SXKD.

+ Phòng vật tư giám sát giá mua vật tư của các đội công trình, những vật tư có giá trị lớn phải đứng ra làm thủ tục mua, bán để đảm bảo cung cấp kịp thời cho các công trình.

+ Phòng tài chính kế toán phối hợp với phòng kinh tế kỹ thuật lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hoá đơn chứng từ theo luật định.

#### **4, Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

- Cải tiến máy móc, phương tiện thi công, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm



chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của Công ty góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo nhằm khắc phục số lỗ lũy kế,

- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV...

• **Kế hoạch phát triển năm 2019 đến năm 2020, định hướng đến năm 2025:**

*DVT: triệu đồng*

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	KH 2019	KH 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025
1.	Giá trị SXKD	275.000	288.750	303.188	318.347	334.264	350.977	368.526
2.	Tổng doanh thu	250.000	262.500	275.625	289.406	303.876	319.070	335.024
3.	Lợi nhuận trước thuế	120	5.700	6.270	6.897	7.587	8.346	9.181
4.	Lợi nhuận sau thuế	120	5.700	6.270	6.897	7.579	6.677	7.345
5.	Chuyển lỗ (-) hoặc lãi (+) lũy kế	(26.415)	(20.715)	(14.445)	(7.548)	31	6.708	8.048
6.	Nộp ngân sách	4.628	4.674	4.674	4.721	4.768	4.816	4.864
7.	Đầu tư XDCB	550	5.500	5.775	6.064	6.367	6.685	7.019

- Tiếp tục duy trì phát triển lĩnh vực thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, bảo trì sửa chữa, phấn đấu trở thành tổng thầu EPC cho các nhà máy ximăng, lọc dầu, nhiệt điện, điện gió và các công trình công nghiệp, dân dụng khác.

- Huy động tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động, tăng tính tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

- Tăng cường công tác tuyển dụng bổ sung nhân sự, đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, không ngừng cải tiến quy trình quản lý, xây dựng quy chế trả lương khuyến khích lao động làm việc có trình độ, chuyên môn gắn bó lâu dài với công ty.

• **Nhận định chung trong năm 2019**

- Năm 2019 việc hội nhập quốc tế đã nảy sinh ra những vấn đề về cạnh tranh, ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh cùng ngành nghề với Lilama, các đối thủ đó đều mạnh về tài chính, trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ, nguồn nhân lực và đơn giá nhân công.

- Tình hình tài chính tiếp tục gặp khó khăn, do kết quả SXKD năm 2018 bị lỗ, do vậy ảnh hưởng tới mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trong việc vay vốn cũng như chịu sự giám sát của các cơ quan ban ngành liên quan.

- Một số khách hàng gần đây cũng gặp khó khăn về tài chính trực tiếp ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn một số công trình.

Do đó Hội đồng quản trị Công ty cần thực hiện mạnh hơn các biện pháp để hoàn thành kế hoạch năm 2019 :

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt của Công ty để trên cơ sở đó điều hành các mặt sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế.

Trong năm 2019 Công ty sẽ phân đầu hoàn thành kế hoạch kinh doanh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	275.000	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	250.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	120	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	120	
5	Chuyển lỗ (-) hoặc lãi (+) lũy kế	Triệu đồng	(26.415)	
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	4.628	
7	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	550	
8	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	72.500	
9	Lao động bình quân	Người	695	
10	Thu nhập BQ (người/tháng)	Triệu đồng	8,696	
11	Dự kiến cổ tức	%	0	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có ý kiến.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: đa số người lao động của Công ty có ý thức tổ chức, kỷ luật lao động tốt, tay nghề vững vàng. Tuy nhiên có một số ít người lao động tay nghề còn hạn chế nên chưa đáp ứng được yêu cầu công việc của công ty.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: bên cạnh việc thúc đẩy kế hoạch sản xuất kinh doanh sao cho hiệu quả, chăm lo đời sống cho CBCNV - người lao động trong công ty, Công ty cũng chú trọng đến các hoạt động cộng đồng địa phương nơi trụ sở chính và nơi đơn vị thi công với hành động thiết thực như giao lưu văn hoá thể thao hay ủng hộ các trường hợp gặp khó khăn trên tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “uống nước nhớ nguồn”.

- Để thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, công ty sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp để bảo vệ môi trường, thực hiện theo các Quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

#### **IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :**

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA45.3, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2018, HĐQT đã họp 15 phiên vào từng quý và bất thường, có sự tham gia của Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và các Trưởng phòng ban.

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 diễn ra vào ngày 24/04/2018.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh từng quý, đồng thời kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018.

- Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh và ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý Công ty. Xây dựng và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001-2008.

Để ổn định về bộ máy tổ chức quản lý và duy trì sự lãnh đạo công ty, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định:

- Công ty đã ký hợp đồng vay vốn với các Ngân hàng, về cơ bản hạn mức đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho SXKD và đầu tư năm 2018, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng kịp thời cho công tác thi công do tiền khối lượng về chậm.

+ Phân phối lợi nhuận năm 2017: đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

+ Về việc chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2018: HĐQT Công ty đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

+ Kế hoạch, lộ trình thoái vốn tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: Năm 2018 chưa thực hiện dứt điểm việc thoái vốn, do vậy tiếp tục thực hiện vào năm 2019.

+ Tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018, tuy nhiên việc thực hiện còn hạn chế, trong năm 2018 Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận bị lỗ 28,9 tỷ đồng. Tình hình tài chính của Công ty ngày càng khó khăn, việc nghiệm thu, thu hồi vốn chậm, công tác thanh quyết toán và bù giá còn kéo dài, chi phí ngày càng cao, thiếu hụt dòng tiền cho hoạt động SXKD, việc thanh toán các khoản nợ ngân sách không kịp thời, đang tiềm ẩn nguy cơ mất cân đối về tài chính.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo công bố thông tin theo Luật chứng khoán kịp thời và đầy đủ.

+ Đã sửa đổi bổ sung Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.**

- Về công tác nhân sự của Ban Tổng giám đốc.



Ban tổng giám đốc đã chủ động phân giao nhiệm vụ cho các thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực công việc của Công ty, với vai trò là người điều hành chung. Tổng giám đốc công ty luôn điều kiện cho các thành viên phát huy năng lực chuyên môn, có tính sáng tạo, làm việc độc lập, phải có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao chất lượng hiệu quả công việc.

#### • Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc

Ban điều hành của Công ty, đứng đầu là Tổng giám đốc công ty, đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ công ty. Ban điều hành đã triển khai theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT công ty.

Tổng giám đốc thực hiện chế độ giao ban định kỳ hàng tuần với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phó các phòng ban có liên quan để chỉ đạo sát sao nhất là đối với dự án Chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh để xử lý kịp thời các vấn đề có liên quan đến công tác thanh toán và thi công. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban điều hành đã chủ động đề xuất các giải pháp cần thiết để chỉ đạo SXKD, tài chính, nhân sự, tái cấu trúc vốn đầu tư.

Ngoài việc thực hiện chức năng điều hành chung, Tổng giám đốc đã rất tích cực, chủ động trong việc phát triển quan hệ đối ngoại với các cấp chính quyền địa phương, các khách hàng, đối tác tiềm năng từ đó tìm kiếm ký kết các hợp đồng mới, tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

Ban tổng giám đốc chỉ đạo các bộ phận thực hiện các Báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm để kịp thời công bố thông tin theo đúng quy định.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 vẫn còn những hạn chế và tồn tại chưa khắc phục được như: Các chỉ tiêu như doanh thu, nộp ngân sách đầu tư XDCB thấp, lợi nhuận trong kỳ bị lỗ, chưa thu hồi được công nợ của công trình Nhà máy thủy điện Drayh'Linh 3 với giá trị là: 5,2 tỷ đồng, chưa thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn. Chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của các cổ đông trong việc chia cổ tức.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, HĐQT tiếp tục chỉ đạo công ty hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra; các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo đúng quy định của điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau :

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường.

- Thực hiện điều chỉnh Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị theo tình hình thực tế.

- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy điều lệ của công ty;

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp.

## V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Thành viên Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành.

*Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT*

<b>Ông Bùi Quốc Vương</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>
Năm sinh:	04/02/1974
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tổ 7 phường Tân Lập – Thành phố Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú:	Tổ 17 P.Trần Phú, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
T08/1996 – 1998	Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.1
1999-2000	Kỹ sư GS - biệt phái cho T Cty tại CT NM xi măng Nghi Sơn – Thanh Hoá
2000-2002	Kỹ sư giám sát tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
2002-2003	Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban Quản lý LILAMA tại Dung Quất
2003-2006	Chỉ huy trưởng tại Công trình NM xi măng Sông Gianh Quảng Bình thuộc Cty Lắp máy và XD số 7
2006- T09/2009	Trưởng phòng TC-HC Ban QL dự án LILAMA NM lọc dầu Dung Quất
T10/2009-T05/2010	Phó phòng tổ chức LĐ Cty Cổ phần LILAMA 45.3
T06/2010 – T10/2015	Thành viên HĐQT Trưởng phòng Tổ chức HC Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 45.3
<b>Ông Hoàng Việt</b>	<b>Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)</b>

<b>Ông Phạm Văn Thìn</b>	<b>Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)</b>
<b>Ông Cù Thanh Nghị</b>	<b>Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng (đã nêu ở Ban điều hành)</b>
<b>Ông Huỳnh Văn Thạch</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
Năm sinh:	20/12/1974
Nơi sinh:	Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Tổ 6 – Phú Thạnh – TP Nha Trang- tỉnh Khánh Hoà
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
1997 – 1999	Nhân viên Công ty đường Khánh Hoà
1999 – 2000	Kỹ sư giám sát – Công ty Cổ phần Lilama 45.3
2000 – 2001	Kỹ sư giám sát – Công ty APAVR VN & Đông Nam Á
2002 – 2006	Phó TGĐ – Công ty ALPHA NDT
2006 – nay	Giám đốc – Công ty TNHH DVKT Việt Nam (nay là Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Việt Nam).

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phần sở hữu cá nhân)**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 25/03/2019	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Bùi Quốc Vương	CT HĐQT	0		20.000	0,57
2.	Hoàng Việt	TV HĐQT	15.000	0,43	55.000	1,57
3.	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	10.000	0,28	35.000	1,00
4.	Cù Thanh Nghị	TV HĐQT	0	0	2.000	0,06
5.	Huỳnh Văn Thạch	TV HĐQT	0	0	0	0

**b, Các tiêu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

**c, Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty quyết liệt thực hiện vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát, tuy nhiên còn nhiều hạn chế do các yếu tố khách quan và chủ quan tác động. kết quả SXKD chưa hoàn thành so với kế hoạch nhưng các chỉ tiêu vẫn tăng trưởng hơn so với năm 2016. Hội đồng quản trị Công ty đã kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng và các giải pháp để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD. Trong năm 2017 các Nghị quyết, quyết định được đưa ra như sau:

T T	Số nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung
<b>I.</b>	<b>Nghị quyết</b>		
1.	03A/2018/NQ-HĐQT	16/01/2018	- Thông qua kết quả kiểm điểm nhận xét và đánh giá đối với tập thể, cá nhân tổ đại diện phần vốn nhà nước của Tcty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại Công ty cổ phần Lilama 45.3 cho kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, kiểm điểm thực hiện chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước, kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017.
2.	05A/2018/NQ-HĐQT	17/01/2018	- Thông qua kế hoạch thanh toán lương tháng 10,11,12/2017 trích bổ sung lương tháng 13/2017 cho CB-NV người lao động
3.	07/2018/NQ-HĐQT	07/02/2018	- Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông, thời gian tổ chức và địa điểm tổ chức đại hội cổ đông năm 2018
4.	08/2018/NQ-HĐQT	07/02/2018	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT năm 2017, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2018.
			- Thông qua Báo cáo công tác tài chính năm 2017, Phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính năm 2018
			- Thông qua tình hình tái cấu trúc Công ty CP Lilama 45.3 năm 2018
			- Thông qua công tác chuẩn bị phương án bố trí nhân lực làm việc và trực bảo vệ , phương tiện thiết bị thi công trong thời gian trước, trong và sau tết nguyên đán 2018
			- Thông qua báo cáo thực hiện tiến độ thi công dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu ( Giai đoạn 1).
			- Thông qua một số nội dung khác.
5.	16/2018/NQ-HĐQT	22/03/2018	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT năm 2017, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2018.
			Thông qua Báo cáo công tác tài chính năm 2017, Phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính năm 2018
			- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý I năm 2018. Kế hoạch SXKD và ĐTPT quý II/2018
			- Báo cáo của BKS về kết quả SXKD năm 2017, kế hoạch

			của BKS năm 2018
			- Thông báo thời gian ĐH cổ đông, thông qua nội dung tài liệu ĐH cổ đông năm 2018
			- Thông qua báo cáo thực hiện tiến độ thi công dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu ( Giai đoạn 1).
			Thông qua một số nội dung khác.
6.	20/2018/NQ-HĐQT	16/04/2018	Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát tại đại hội cổ đông năm 2018
7.	21B/2018/NQ-HĐQT	16/04/2018	Thông qua phương án vay vốn và sửa dụng tài sản thế chấp , quyền đòi nợ để vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, Phê duyệt việc sử dụng tài sản thế chấp , quyền đòi nợ để đảm bảo cho khoản vay tại CN ngân hàng AGRIBANK thành phố Đà Nẵng.
8.	44/2018/NQ-HĐQT	11/06/2018	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018
9.	46/2018/NQ-HĐQT	11/06/2018	- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý I năm 2018. Kế hoạch SXKD và ĐTPT quý II/2018
			- Thông qua việc chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy cơ khí Bình kiến – Tuy Hòa – Phú Yên
			- Thông qua báo cáo thực hiện tiến độ thi công dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu ( Giai đoạn 1).
			- Thông qua một số nội dung khác.
10.	58/2018/NQ-HĐQT	29/06/2018	- Thông qua việc bán thanh lý tài sản trên đất Nhà máy cơ khí Bình Kiến, thông Phú Vang,xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
			- Thông qua một số nội dung khác.
11.	60/2018/NQ-HĐQT	05/07/2018	- Thông qua việc gia hạn thời gian sử dụng đất Nhà máy cơ khí chế tạo Lilama 45.3 tại xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.
12.	64/2018/NQ-HĐQT	13/08/2018	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT 06 tháng đầu năm 2018.
			- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý III năm 2018.
			- Thông qua Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018 đã được soát xét.
			- Thông qua một số nội dung khác
13.	67/2018/NQ-HĐQT	27/09/2018	- Thông qua phương án vay vốn và bảo lãnh tại Ngân hàng BIDV Quảng Ngãi
14.	69/2018/NQ-HĐQT	31/10/2018	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT 09 tháng đầu năm 2018.
			- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý IV năm 2018.
			- Thông qua Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2018.
			- Thông qua một số nội dung khác
15.	71/2018/NQ-HĐQT	01/12/2018	- Thông qua thay đổi điều kiện cấp tín dụng của dự án nhà



			máy thủy điện Đắk Re.
16.	73/2018/NQ-HĐQT	25/12/2018	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2018
17.	74/2018/NQ-HĐQT	25/12/2018	- Thông qua nhiệm vụ công tác tài chính tháng cuối năm 2018
			- Thông qua kế hoạch thanh toán lương từ tháng 8 đến tháng 12/2018 và thanh toán công nợ với khách hàng
			- Thông qua công tác chuẩn bị phương án bố trí nhân lực làm việc và trực bảo vệ phương tiện thiết bị phục vụ thi công trong thời gian trước, trong và sau tết nguyên đán 2019.
			- Thông qua phương án thanh quyết toán các dự án đầu tư thiết bị phục vụ thi công
			- Thông qua một số nội dung khác
<b>II.</b>	<b>CÁC QUYẾT ĐỊNH</b>		
1.	QĐ 36/2018/HĐQT	24/04/2018	- Quyết định V/v ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty
2.	QĐ 37/2018/HĐQT	24/04/2018	- Quyết định V/v ban hành Quy Chế Quản trị Nội bộ
3.	QĐ 40/2018/HĐQT	10/05/2018	- Quy định về Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.3
4.	QĐ 45/2018/HĐQT	11/06/2018	- Quyết định V/v Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
5.	QĐ 47/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức miễn nhiệm chức vụ đối với cán bộ của Công ty cổ phần Lilama 45.3.
6.	QĐ 48/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành Quy chế phân cấp và quản lý đầu tư Công ty cổ phần Lilama 45.3.
7.	QĐ 49/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý nợ Công ty cổ phần Lilama 45.3.
8.	QĐ 50/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành chính sách quản trị rủi ro Công ty cổ phần Lilama 45.3.
9.	QĐ 51/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành kế hoạch giám sát, kiểm soát việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.
10.	QĐ 52/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần Lilama 45.3.
11.	QĐ 53/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Lilama 45.3.
12.	QĐ 54/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.3.
13.	QĐ 55/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành quy chế Phối hợp và quan hệ của HĐQT với TGD Công ty cổ phần Lilama 45.3.
14.	QĐ 56/2018/HĐQT	15/06/2018	- Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý người đại diện vốn của Công ty cổ phần Lilama 45.3 vào đơn vị khác.

**d, Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:**

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.

- Thường xuyên cùng Ban kiểm soát công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.

- Có ý kiến kịp thời với Ban Tổng giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

**c, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:**

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng giao khoán.

**f, Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT
2.	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
3.	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT - Phó tổng GD
4.	Cù Thanh Nghị	Thành viên HĐQT
5.	Huỳnh Văn Thạch	Thành viên HĐQT

**2. Ban kiểm soát**

**a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

- + Bà: Phạm Thị Bích Hà                      Trưởng Ban kiểm soát
- + Ông: Trần Ngọc Dũng                      Thành viên Ban kiểm soát
- + Bà: Nông Thị Hồng Nhung              Thành viên Ban kiểm soát

**Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát**

Bà Phạm Thị Bích Hà	Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh:	11/01/1975
Nơi sinh:	Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Tô Hiệu, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
Địa chỉ thường trú:	Tổ 21 phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi.

Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế.
Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1998 đến T12/2010	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Lilama 45.3
Từ tháng 01/2011 đến tháng 04/2016	Phó phòng TC-KT- Công ty cổ phần Lilama 45.3
Từ tháng 04/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3
<b>Ông Trần Ngọc Dũng</b>	<b>Thành viên Ban kiểm soát – PP Kinh tế - Kỹ thuật</b>
Năm sinh:	1974
Nơi sinh:	Kim Xuyên – Sơn Dương – Tuyên Quang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sơn Đông - Lập Thạch – Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	L4K Đường Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
T5/1996-T6/1996	Nhân viên P. Kỹ thuật – Công ty Lắp máy và XD 45-3
T6/1996-T8/1997	Kỹ thuật thi công Nhà máy đường Yaunpa – Gia Lai
T9/1997-T6/1998	Nhân viên P. KT - KT Công ty Lắp máy và XD 45-3
T7/1998-T4/1999	Đội phó đội CT Nmáy TĐ Sông Hình – Phú yên
T5/1999-T11/1999	Kỹ thuật thi công Nm thủy điện Đa Mi – Hàm Thuận
T12/1999-T2/2001	Kỹ thuật thi công Nm đường Cam Ranh Khánh Hòa.
T3/2001-T 7/2002	NV P.Kinh tế - Tiếp thị, Công ty Lắp máy & XD 45-3.
T8/2002-T10/2003	Nhân viên Phòng KH Đầu tư – Cty LM & XD 45-3
T11/2003-T4/2005	Nhân viên P.KT- KT – Công ty LM & XD 45.3
T5/2005 – nay	Phó phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.3
<b>Bà: Nông Thị Hồng Nhung</b>	<b>Thành viên Ban kiểm soát – chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Tổng công ty LM Việt Nam – CTCP</b>
05/2010-05/2011	Trợ lý giám đốc Công ty cổ phần giải pháp tối ưu hoá DOS
11/2011-03/2016	Chuyên viên phòng Tài chính - kế toán Công ty cổ

04/2016 - nay

phần Lilama Hà Nội

Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Tổng công ty lắp  
máy Việt nam – CTCP

04/2018 - nay

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama  
45.3

***b, Hoạt động của Ban kiểm soát:***

Năm 2018 Ban kiểm soát tổ chức 06 buổi họp và làm việc với HĐQT và Ban tổng giám đốc, tham gia cùng HĐQT, ban điều hành và các phòng ban liên quan sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ theo đúng quy định.

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trong năm 2018 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty về tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc khi triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đội công trình, các cổ đông trong và ngoài Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh các vấn đề có liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên, tuân thủ các chính sách chế độ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động trong công ty.

Đình kỳ 06 tháng và cả năm 2018, căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán, Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính và có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những nhận xét kiến nghị đối với HĐQT về diễn biến tình hình hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2018.

***c, Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên BKS (Phần sở hữu cá nhân)***

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 25/03/2019	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	5.800	0,17	2.000	0,06
2	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	38.000	1,08	0	0
3	Nông Thị Hồng Nhung	TV BKS	0	0	0	0

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

*a, Quy định mức Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát cho năm 2018.*

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức lương và thù lao tối đa (đ/người/tháng)	Số tháng /năm	Thành tiền (đồng)
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1,	Chủ tịch HĐQT – chuyên trách	01	24.000.000	12	288.000.000
2,	Thành viên HĐQT – kiêm nhiệm	04	2.300.000	12	27.600.000
<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1,	Trưởng BKS chuyên trách	01	15.500.000	12	186.000.000
2,	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	1.750.000	12	21.000.000
<b>III.</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>	<b>01</b>	<b>1.210.000</b>	12	<b>14.520.000</b>

*b, Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2018:*

*ĐVT: đồng*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao
1.	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT	281.907.852	0
2.	Hoàng Việt	TV HĐQT – TGD	270.307.852	27.600.000
3.	Huỳnh Lê Hòa (*)	TV HĐQT	-	6.900.000
4.	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT – PTGD	200.208.352	27.600.000
5.	Cù Thanh Nghị	TV HĐQT - KTT	200.038.068	20.700.000
6.	Huỳnh Văn Thạch	TV HĐQT	-	27.600.000
7.	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	182.638.068	0
8.	Ng. Mạnh Hương (*)	TV BKS	-	7.000.000
9.	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	193.843.795	21.000.000
10.	Nông Thị Hồng Nhung	TV BKS	-	14.000.000

11.	Trần Quang Du	Phó Tổng GD	218.866.131	0
12.	Mạc Thanh Hải	Phó Tổng GD	200.358.876	0
13.	Nguyễn Thị Lệ Thu	Thư ký HĐQT	114.721.501	14.520.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.862.890.495</b>	<b>166.920.000</b>

Ghi chú: (\*) Tháng 04/2018, Ông Huỳnh Lê Hoà thôi giữ chức Thành viên HĐQT và ông Nguyễn Mạnh Hương thôi giữ chức thành viên BKS công ty vì vậy thù lao được hưởng đến tháng 04/2018.

**b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.**

**c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có**

## VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam kiểm toán tại ngày 31/12/2018 bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

### 1, Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2, Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán ( đính kèm).

Quý cổ đông quan tâm xem chi tiết Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang Website của Công ty theo đường link: <http://www.lilama45-3.com>

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Bùi Quốc Vương



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
(đã được kiểm toán)

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-30



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### **CÔNG TY**

Công ty cổ phần Lilama 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước. Tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400135344, đăng ký lần đầu ngày 15/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Quốc Vương	Chủ tịch	
Ông Hoàng Việt	Thành viên	
Ông Phạm Văn Thìn	Thành viên	
Ông Huỳnh Lê Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/4/2018
Ông Cù Thanh Nghị	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/4/2018
Ông Huỳnh Văn Thạch	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
Ông Mạc Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Du	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thìn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hà	Trưởng ban	
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/4/2018
Bà Nông Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/4/2018

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 03 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Lilama 45.3**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Lilama 45.3, được lập ngày 06/03/2019, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



---

**Ngô Quang Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
0448-2018-126-1  
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2019

---

**Lê Thùy Dương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
2879-2014-126-1

11/1 5 2 4 6 4 / 11

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>496.984.744.446</b>	<b>530.953.147.132</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>13.858.875.172</b>	<b>15.474.211.363</b>
1. Tiền	111		13.012.845.172	15.474.211.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		846.030.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>190.387.070.984</b>	<b>276.910.259.140</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	171.555.171.775	253.488.227.084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.890.976.917	30.676.305.476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.263.056.812	550.870.873
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.288.827.868	1.026.973.864
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(5.610.962.388)	(8.832.118.157)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>292.486.895.273</b>	<b>238.568.676.629</b>
1. Hàng tồn kho	141		292.486.895.273	238.568.676.629
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>251.903.017</b>	<b>-</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		251.903.017	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>56.472.137.463</b>	<b>60.572.864.406</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.880.965.000</b>	<b>1.891.034.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.880.965.000	1.891.034.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.939.546.127</b>	<b>30.763.305.978</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17.701.166.874	19.162.091.029
- Nguyên giá	222		67.166.041.232	69.961.399.171
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(49.464.874.358)	(50.799.308.142)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	9.238.379.253	11.596.631.634
- Nguyên giá	225		13.124.676.583	14.867.651.128
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(3.886.297.330)	(3.271.019.494)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	4.583.315
- Nguyên giá	228		55.000.000	55.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(55.000.000)	(50.416.685)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>25.600.000.000</b>	<b>25.600.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.600.000.000	25.600.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.051.626.336</b>	<b>2.318.524.428</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.051.626.336	2.318.524.428
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>553.456.881.909</b>	<b>591.526.011.538</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>505.627.035.435</b>	<b>514.784.306.098</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>504.942.094.045</b>	<b>512.131.483.617</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	78.091.068.680	73.780.018.305
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	162.178.113.259	157.330.245.392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.399.581.118	6.981.009.772
4. Phải trả người lao động	314		355.594.686	4.319.499.114
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15.289.503.586	3.388.019.591
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.16	53.788.275.137	65.294.267.150
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	20.242.554.801	16.198.955.482
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	169.398.146.798	184.294.212.831
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		199.255.980	545.255.980
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>684.941.390</b>	<b>2.652.822.481</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	684.941.390	2.652.822.481
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>47.829.846.474</b>	<b>76.741.705.440</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>47.829.846.474</b>	<b>76.741.705.440</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.277.672.000	4.277.672.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.000.546.177	32.850.136.820
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.087.212.068	2.065.725.017
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.535.583.771)	2.548.171.603
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.376.275.195	2.118.430.584
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(28.911.858.966)	429.741.019
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>553.456.881.909</b>	<b>591.526.011.538</b>

Người lập biểu



Nguyễn Văn Sơn

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	114.954.282.955	331.912.460.067
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>114.954.282.955</b>	<b>331.912.460.067</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	121.278.725.126	305.737.812.123
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(6.324.442.171)</b>	<b>26.174.647.944</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	246.587.444	91.512.274
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.371.550.125	16.803.617.519
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.371.550.125	16.503.129.644
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.176.274.598	7.894.427.215
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(30.625.679.450)</b>	<b>1.568.115.484</b>
9. Thu nhập khác	31	VI.6	4.319.147.273	3.966.388.784
10. Chi phí khác	32	VI.7	2.588.038.041	4.037.712.029
<b>11. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.731.109.232</b>	<b>(71.323.245)</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(28.894.570.218)</b>	<b>1.496.792.239</b>
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	17.288.748	1.067.051.220
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(28.911.858.966)</b>	<b>429.741.019</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	(8.261)	123
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		(8.261)	123

Người lập biểu



Nguyễn Văn Sơn

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		217.972.378.278	393.330.858.185
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02		(134.244.470.174)	(335.406.171.534)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(52.200.120.419)	(73.510.434.415)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(17.303.640.342)	(16.296.585.942)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(294.526.015)	(211.321.518)
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.794.541.702)	(9.759.173.859)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.135.079.626</b>	<b>(41.852.829.083)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(193.670.840)	(999.638.051)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		4.246.294.383	4.870.077.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		60.744.078	89.326.884
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.113.367.621</b>	<b>3.959.765.833</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		152.832.930.034	282.051.197.055
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(166.775.838.752)	(226.719.664.212)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.921.038.406)	(4.374.094.896)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(16.863.947.124)</b>	<b>50.957.437.947</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.615.499.877)</b>	<b>13.064.374.697</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>15.474.211.363</b>	<b>2.409.841.911</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT</b>	<b>61</b>		<b>163.686</b>	<b>(5.245)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>13.858.875.172</b>	<b>15.474.211.363</b>

Người lập biểu



Nguyễn Văn Sơn

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2018**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Lilama 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước. Tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400135344, đăng ký lần đầu ngày 15/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt thiết bị.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: lắp ráp thiết bị máy móc các công trình;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, nhà máy lọc hóa dầu;

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây tải điện, trạm biến thế;

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công xử lý nền móng;

Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: trang trí nội ngoại thất công trình;

Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa đưa vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh hóa chất;

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng, dầu mỏ, khí công nghiệp;

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân. Chi tiết: Tư vấn đầu tư và lắp đặt các dây chuyền công nghệ;

Sửa chữa thiết bị điện;

Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;

Sửa chữa máy móc, thiết bị;

Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;

Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chế tạo kết cấu thép phi tiêu chuẩn;

Lắp đặt hệ thống điện;

Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. Chi tiết: Sản xuất bình, bể, đường ống chịu áp lực;

Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị nâng và thang máy;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, phụ tùng, dụng cụ cơ khí;

Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;  
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp;  
Khảo sát địa hình công trình xây dựng; Khảo sát địa chất công trình xây dựng;  
Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thâm  
thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây  
chuyền công nghiệp;  
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Chống ăn mòn bề mặt kim loại;  
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh  
doanh bất động sản;  
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;  
Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Hoạt động vui chơi giải trí;  
Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết khách sạn;  
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;  
Vận tải hành khách bằng đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

##### **Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### **Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

#### **5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu là giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi và được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà Công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng có liên quan.

**Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****17.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.



**17.2. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt tại quỹ	328.560.932	10.446.490
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.684.284.240	15.463.764.873
Các khoản tương đương tiền	846.030.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.858.875.172</b>	<b>15.474.211.363</b>

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5%/năm.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2018	01/01/2018
Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	25.600.000.000	25.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.600.000.000</b>	<b>25.600.000.000</b>
Trong đó:		
Giá trị hợp lý	25.600.000.000	25.600.000.000
Dự phòng	-	-

Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn đầu tư dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 5 công suất 28MW trên sông Côn, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạch, tỉnh Bình Định. Tổng số vốn góp tại ngày 31/12/2018 là 25.600.000.000 đồng và 512.000.000 đồng cổ tức bằng cổ phần tương đương với 2.611.200 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn.

Công ty đã ký hợp đồng số 03/2016/HĐCNCP-VSI ngày 27/06/2016 với Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va về việc chuyển nhượng toàn bộ 2.611.200 cổ phần trên cho Công ty cổ phần Thủy điện Chu Va. Trong năm 2016 Công ty đã được Công ty CP Thủy điện Chu Va tạm ứng 5.000.000.000 đồng tiền mua cổ phần. Đến thời điểm 31/12/2018 việc chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất.

Do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán bằng giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong  
thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

		<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>3.</b>	<b>Phải thu của khách hàng</b>				
	<b>Ngắn hạn</b>				
	<b>Phải thu của khách hàng</b>				
	Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai	30.717.246.000		32.217.246.000	
	Công ty TNHH Trung Nam - Công trình cây khô dự án	1.224.133.890		25.357.357.604	
	Công ty TNHH Trung Nam - Công trình Mương Chuối	39.294.337.575		39.294.337.575	
	Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	10.533.570.384		7.793.667.797	
	Khách hàng khác	87.898.668.708		138.245.746.965	
	<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	209.514.849		8.560.488.204	
	Công ty Cổ phần Lilama 10	-		341.682.570	
	Công ty Cổ phần Lilama 18	1.446.097.566		1.446.097.566	
	Công ty Cổ phần Lilama 69.3	231.602.803		231.602.803	
	<b>Cộng</b>	<b>171.555.171.775</b>		<b>253.488.227.084</b>	
<b>4.</b>	<b>Trả trước cho người bán</b>				
	<b>Ngắn hạn</b>				
	<b>Trả trước cho người bán</b>				
	Công ty cổ phần Xây dựng Cơ khí A74	5.474.672.500		5.474.672.500	
	Công ty TNHH TV&TMQT Hoàng Dương	-		15.133.336.630	
	Công ty CP phát triển công nghiệp Hoàng Dương	4.587.000.000		-	
	Người bán khác	1.279.009.826		1.018.001.755	
	<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
	Công ty CP Lilama 45.1	10.550.294.591		9.050.294.591	
	<b>Cộng</b>	<b>21.890.976.917</b>		<b>30.676.305.476</b>	
<b>5.</b>	<b>Phải thu khác</b>				
	<b>Ngắn hạn</b>				
	Tạm ứng	404.324.722	315.963.096	405.124.722	315.963.096
	Phải thu khác	884.503.146	-	621.849.142	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.288.827.868</b>	<b>315.963.096</b>	<b>1.026.973.864</b>	<b>315.963.096</b>
	<b>Dài hạn</b>				
	Ký cược, ký quỹ	1.880.965.000	-	1.891.034.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.880.965.000</b>	<b>-</b>	<b>1.891.034.000</b>	<b>-</b>

6. Nợ xấu	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Năng lượng Mai Linh (i)	-	-	3.221.155.769	-
Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc (ii)	5.294.999.292	-	5.294.999.292	-
Các khoản tạm ứng	315.963.096	-	315.963.096	-
<b>Cộng</b>	<b>5.610.962.388</b>	<b>-</b>	<b>8.832.118.157</b>	<b>-</b>

(i) Khoản phải thu của Công ty cổ phần Năng lượng Mai Linh (Thi công NM thủy điện La La - Quảng Trị) phát sinh theo các hợp đồng xây dựng, chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công đường ống áp lực, ... ký từ ngày 25/03/2010, thời hạn thanh toán được gia hạn đến tháng 6/2014. Theo Bản án số 03/2014/KDTM-ST ngày 15/09/2014 của Tòa án Nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Công ty Mai Linh đã trả nợ cho Công ty.

(ii) Khoản phải thu của Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc (Thi công NM thủy điện Đrây H'Linh 3) đã được Công ty đệ đơn ra tòa án. Hiện tại, Tòa án đang tiến hành thụ lý vụ việc theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% đối với khoản phải thu này.

7. Hàng tồn kho	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.081.105	-	264.687.102	-
Công cụ, dụng cụ	451.838.305	-	400.168.258	-
Chi phí SXKD dở dang	292.005.975.863	-	237.903.821.269	-
<b>Cộng</b>	<b>292.486.895.273</b>	<b>-</b>	<b>238.568.676.629</b>	<b>-</b>

8. Chi phí trả trước	31/12/2018	01/01/2018
	<b>Dài hạn</b>	
Chi phí bảo hiểm tài sản cố định thuê tài chính	52.636.335	113.806.791
Chi phí thuê đất tại Dung Quất	1.998.990.001	2.056.104.001
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty tại Quảng Ngãi	-	148.613.636
<b>Cộng</b>	<b>2.051.626.336</b>	<b>2.318.524.428</b>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, vận tải, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2018	19.295.501.846	39.690.738.035	8.712.088.105	1.808.071.185	455.000.000	69.961.399.171
Mua trong kỳ		80.700.000	1.753.043.545			1.833.743.545
Thanh lý, nhượng bán		(3.495.051.960)	(1.134.049.524)			(4.629.101.484)
<b>Số dư 31/12/2018</b>	<b>19.295.501.846</b>	<b>36.276.386.075</b>	<b>9.331.082.126</b>	<b>1.808.071.185</b>	<b>455.000.000</b>	<b>67.166.041.232</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong  
thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư 01/01/2018	6.929.974.171	34.300.453.493	7.554.362.700	1.738.217.865	276.299.913	50.799.308.142
Khấu hao trong kỳ	890.317.260	1.106.883.301	390.456.042	20.216.953	90.999.972	2.498.873.528
Tăng khác			740.764.188			740.764.188
Thanh lý, nhượng bán		(3.440.021.976)	(1.134.049.524)			(4.574.071.500)
<b>Số dư 31/12/2018</b>	<b>7.820.291.431</b>	<b>31.967.314.818</b>	<b>7.551.533.406</b>	<b>1.758.434.818</b>	<b>367.299.885</b>	<b>49.464.874.358</b>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2018	12.365.527.675	5.390.284.542	1.157.725.405	69.853.320	178.700.087	19.162.091.029
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>11.475.210.415</b>	<b>4.309.071.257</b>	<b>1.779.548.720</b>	<b>49.636.367</b>	<b>87.700.115</b>	<b>17.701.166.874</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 3.639.795.680

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.319.795.680

**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư 01/01/2018	10.989.498.782	3.878.152.346	14.867.651.128
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(1.742.974.545)	(1.742.974.545)
<b>Số dư 31/12/2018</b>	<b>10.989.498.782</b>	<b>2.135.177.801</b>	<b>13.124.676.583</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư 01/01/2018	2.413.691.338	857.328.156	3.271.019.494
Khấu hao trong kỳ	1.098.949.884	257.092.140	1.356.042.024
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(740.764.188)	(740.764.188)
<b>Số dư 31/12/2018</b>	<b>3.512.641.222</b>	<b>373.656.108</b>	<b>3.886.297.330</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2018	8.575.807.444	3.020.824.190	11.596.631.634
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>7.476.857.560</b>	<b>1.761.521.693</b>	<b>9.238.379.253</b>

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy tính, nguyên giá 55.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2018 là 55.000.000 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 4.583.315 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong  
thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12. Phải trả người bán	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP SX & TM Hoàng Đạt	6.718.655.163	6.718.655.163	9.083.248.807	9.083.248.807
Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	6.708.759.657	6.708.759.657	5.697.238.857	5.697.238.857
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phúc An Công ty TNHH TV&TMQT Hoàng Dương	13.823.008.207	13.823.008.207	11.507.204.857	11.507.204.857
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	6.181.938.873	6.181.938.873	7.772.378.285	7.772.378.285
Khách hàng khác	29.234.673.669	29.234.673.669	33.630.918.189	33.630.918.189
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty cổ phần Lilama 7	2.467.653.874	2.467.653.874	2.467.653.874	2.467.653.874
Cty cổ phần Lilama 45.4	531.765.215	531.765.215	3.136.271.471	3.136.271.471
<b>Cộng</b>	<b>78.091.068.680</b>	<b>78.091.068.680</b>	<b>73.780.018.305</b>	<b>73.780.018.305</b>
13. Người mua trả tiền trước			<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Người mua trả tiền trước</b>				
Công ty TNHH Trung Nam			143.013.793.874	122.382.389.933
Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên tân			167.619.442	17.432.540.121
Khách hàng khác			14.468.729.599	9.347.474.499
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP			1.403.959.741	5.043.830.236
Công ty CP Lilama 45.1			3.124.010.603	3.124.010.603
<b>Cộng</b>			<b>162.178.113.259</b>	<b>157.330.245.392</b>
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
<b>Phải nộp</b>				
	<b>31/12/2018</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>01/01/2018</b>
Thuế GTGT phải nộp	-	1.415.593.202	2.541.792.019	1.126.198.817
Thuế thu nhập doanh nghiệp	954.743.831	17.288.748	294.526.015	1.231.981.098
Thuế thu nhập cá nhân	891.144.317	414.512.503	775.763.427	1.252.395.241
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	267.639.118	295.369.515	194.315.238	166.584.841
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.286.053.852	809.070.980	726.866.903	3.203.849.775
<b>Cộng</b>	<b>5.399.581.118</b>	<b>2.955.834.948</b>	<b>4.537.263.602</b>	<b>6.981.009.772</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả	31/12/2018	01/01/2018
<b>Ngắn hạn</b>		
Công trình lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Cẩm Thủy	867.088.970	1.000.000.000
Công trình lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Tàd chí - Lào	-	284.462.441
Cung cấp lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Trung Sơn	150.000.000	150.000.000
Cung cấp lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Trung Thu	180.000.000	180.000.000
Cung cấp lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Đăk Pô Cô	335.000.000	335.000.000
Tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển, lắp đặt nhà máy đường Đăk Lăk	-	1.175.895.167
Cung cấp lắp đặt, thiết bị nhà máy thủy điện Đồng Nai	-	181.631.983
Lắp đặt thiết bị cơ điện nhà máy thủy điện Đăk'Re	917.880.868	-
Nâng cấp nhà máy thủy điện Đăm Bôl	198.984.652	-
CCLĐTBACKTC DA chống ngập - Công kiểm soát triều Cây Khô	7.797.896.853	-
CCLĐTBACKTC DA chống ngập - Dự án chống ngập Tp. HCM	1.211.622.243	-
Nhà máy điện gió Ninh Thuận	3.500.000.000	-
Chi phí kiểm toán	50.000.000	-
Thù lao HĐQT	81.030.000	81.030.000
<b>Cộng</b>	<b>15.289.503.586</b>	<b>3.388.019.591</b>
<b>16. Phải trả nội bộ</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP về tiền vay	25.624.278.455	26.754.833.921
Phải trả các đội công trình	28.163.996.682	38.539.433.229
<b>Cộng</b>	<b>53.788.275.137</b>	<b>65.294.267.150</b>
<b>17. Phải trả khác</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Kinh phí công đoàn	659.558.437	786.521.999
Bảo hiểm xã hội	6.812.783.889	6.141.405.449
Bảo hiểm y tế	2.527.039.872	1.677.855.268
Bảo hiểm thất nghiệp	992.968.302	663.124.296
Cổ tức phải trả	147.218.995	147.218.995
Phải trả phải nộp khác	6.828.847.465	6.359.916.947
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Lãi vay Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	2.274.137.841	422.912.528
<b>Cộng</b>	<b>20.242.554.801</b>	<b>16.198.955.482</b>

## 18. Vay và nợ thuê tài chính

## 18.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2018	Tăng	Giảm	01/01/2018
<b>Vay ngân hàng (i)</b>	<b>167.030.295.707</b>	<b>152.432.930.034</b>	<b>166.775.838.752</b>	<b>181.373.204.425</b>
NH TMCP ĐT và PT VN - CN Quảng Ngãi	113.637.924.264	80.099.739.471	90.201.763.035	123.739.947.828
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Đà Nẵng	37.392.371.443	37.392.371.443	51.463.298.413	51.463.298.413
NH TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Khánh Hòa	16.000.000.000	34.940.819.120	25.110.777.304	6.169.958.184
<b>Vay tổ chức</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty cổ phần ĐTXD Trung Nam	400.000.000	400.000.000	-	-
<b>Vay nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.967.851.091</b>	<b>1.967.881.091</b>	<b>2.921.038.406</b>	<b>2.921.008.406</b>
Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam	1.967.851.091	1.967.881.091	2.921.038.406	2.921.008.406
<b>Cộng</b>	<b>169.398.146.798</b>	<b>154.800.811.125</b>	<b>169.696.877.158</b>	<b>184.294.212.831</b>

	31/12/2018	01/01/2018
<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>169.398.146.798</b>	<b>184.294.212.831</b>

## 18.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018	Tăng	Giảm	01/01/2018
<b>Nợ thuê TC dài hạn (ii)</b>	<b>684.941.390</b>	<b>-</b>	<b>1.967.881.091</b>	<b>2.652.822.481</b>
Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam	684.941.390	-	1.967.881.091	2.652.822.481
<b>Cộng</b>	<b>684.941.390</b>	<b>-</b>	<b>1.967.881.091</b>	<b>2.652.822.481</b>

	31/12/2018	01/01/2018
<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>684.941.390</b>	<b>2.652.822.481</b>

## (i) Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi: Hợp đồng vay số 01/2017/711798/HĐTD ngày 12/9/2017. Hạn mức tín dụng 391 tỷ đồng. Thời hạn vay 11 tháng. Lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Khoản vay được thế chấp bằng các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với toàn bộ cổ phiếu đang sở hữu tại Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 02/2017/711798/HĐBĐ ngày 01/8/2017 và quyền đòi nợ các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/711798/HĐBĐ ngày 9/6/2017.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Đà Nẵng: Hợp đồng vay số 04/2018/ARG - LILAMA 45.3 ngày 01/04/2018. Hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Vay bằng tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong  
thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Khánh Hòa: Hợp đồng vay số 657/2017/HĐHM - PN/SHB.120300 ngày 26/12/2017. Hạn mức tín dụng 16 tỷ đồng. Thời hạn vay 10 tháng. Lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Vay theo hình thức tín chấp.

Công ty cổ phần ĐTXD Trung Nam: Hợp đồng vay số 2707/2018/HĐTV ngày 27/07/2018. Hạn mức tín dụng 0,4 tỷ đồng. Lãi suất theo thông báo của bên cho vay. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là khối lượng công trình điện gió Trung Nam.

(ii) Thông tin liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	Dư nợ gốc vay	Đến hạn trả
Hợp đồng thuê số 2015-00021-001, ngày 09/02/2015. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất 9,13%/năm. Tài sản đảm bảo là Cần trục bánh lốp SANY 50 tấn	-	130.214.641
Hợp đồng thuê số 2016-00030-001, ngày 30/06/2016. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất 9,02%/năm. Tài sản đảm bảo là Cần trục bánh lốp Liebherr LTM1080N 80 tấn	540.040.398	1.352.050.385
Hợp đồng thuê số 2017-00027-001, ngày 23/03/2017. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất 7,82%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Mercedes - Ben E200	144.900.992	485.586.065
	<b>684.941.390</b>	<b>1.967.851.091</b>

**Các khoản nợ thuê tài chính**

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	2.110.159.777	697.040.929	-	2.807.200.706
Trả lãi tiền thuê	142.308.686	12.099.539	-	154.408.225
Trả nợ gốc	1.967.851.091	684.941.390	-	2.652.792.481
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	3.295.015.741	2.817.780.949	-	6.112.796.690
Trả lãi tiền thuê	374.007.335	164.958.468	-	538.965.803
Trả nợ gốc	2.921.008.406	2.652.822.481	-	5.573.830.887

**19. Vốn chủ sở hữu****19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST thuế chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư 01/01/2017	35.000.000.000	4.277.672.000	32.722.515.419	2.047.493.388	2.282.515.243	76.330.196.050
Lãi trong kỳ					429.741.019	429.741.019
Trích quỹ			127.621.401	18.231.629		145.853.030
Phân phối lợi nhuận					(164.084.659)	(164.084.659)
<b>Số dư 31/12/2017</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>4.277.672.000</b>	<b>32.850.136.820</b>	<b>2.065.725.017</b>	<b>2.548.171.603</b>	<b>76.741.705.440</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong  
thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Số dư 01/01/2018	35.000.000.000	4.277.672.000	32.850.136.820	2.065.725.017	2.548.171.603	76.741.705.440
Trích quỹ			150.409.357	21.487.051		171.896.408
Lỗ trong kỳ					(28.911.858.966)	(28.911.858.966)
Phân phối lợi nhuận					(171.896.408)	(171.896.408)
<b>Số dư 31/12/2018</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>4.277.672.000</b>	<b>33.000.546.177</b>	<b>2.087.212.068</b>	<b>(26.535.583.771)</b>	<b>47.829.846.474</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 như sau:

Trích quỹ khác thuộc vốn CSH (5% LNST)	21.487.051
Trích quỹ đầu tư phát triển (35% LNST)	150.409.357

19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	40,83	14.290.000.000	40,83	14.290.000.000
Cổ đông khác	59,17	20.710.000.000	59,17	20.710.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>35.000.000.000</b>

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2018	Năm 2017
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000

19.4. Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

19.5. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2018	01/01/2018
Quỹ đầu tư phát triển	33.000.546.177	32.850.136.820
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.087.212.068	2.065.725.017

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	31/12/2018	01/01/2018
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Tiền USD	178,73	139,85

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018	Năm 2017
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	154.545.455	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	114.799.737.500	331.912.460.067
<b>Cộng</b>	<b>114.954.282.955</b>	<b>331.912.460.067</b>
<b>Trong đó, Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	(283.771.860)	11.816.595.878
Công ty CP Lilama 18	-	12.563.935.081
<b>Cộng</b>	<b>(283.771.860)</b>	<b>24.380.530.959</b>
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.246.799	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	121.238.478.327	305.737.812.123
<b>Cộng</b>	<b>121.278.725.126</b>	<b>305.737.812.123</b>
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.744.078	89.326.884
Lãi chênh lệch tỷ giá	185.843.366	2.185.390
<b>Cộng</b>	<b>246.587.444</b>	<b>91.512.274</b>
4. Chi phí tài chính	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền vay	19.371.550.125	16.503.129.644
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	250.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	50.487.875
<b>Cộng</b>	<b>19.371.550.125</b>	<b>16.803.617.519</b>
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2018	Năm 2017
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	5.531.396.335	5.793.120.265
Chi phí quản lý khác	2.866.034.032	2.101.306.950
Các khoản ghi giảm chi phí QLDN (hoàn nhập dự phòng)	(3.221.155.769)	-
<b>Cộng</b>	<b>5.176.274.598</b>	<b>7.894.427.215</b>

6. Thu nhập khác	Năm 2018	Năm 2017
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, công cụ dụng cụ, vật tư	4.319.147.273	3.920.933.905
Các khoản khác	-	45.454.879
<b>Cộng</b>	<b>4.319.147.273</b>	<b>3.966.388.784</b>
7. Chi phí khác	Năm 2018	Năm 2017
Giá trị còn lại TSCĐ, CCDC, VT và chi phí thanh lý, nhượng bán	330.651.934	-
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	881.430.281	3.811.704.969
Chi phí khác	1.375.955.826	226.007.060
<b>Cộng</b>	<b>2.588.038.041</b>	<b>4.037.712.029</b>
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.050.073.196	208.466.460.107
Chi phí nhân công	43.611.830.135	80.409.970.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.600.263.055	4.620.744.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.845.189.580	68.147.276.473
Chi phí khác bằng tiền	6.752.271.662	15.125.880.210
<b>Cộng</b>	<b>181.859.627.628</b>	<b>376.770.331.642</b>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(28.894.570.218)	1.496.792.239
Các khoản điều chỉnh tăng	934.948.061	3.838.463.859
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	881.430.281	3.811.704.969
Khấu hao vượt mức quy định	53.517.780	26.758.890
Các khoản điều chỉnh giảm ( )	27.959.622.157	-
Chuyển lỗ	27.959.622.157	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	5.335.256.098
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	1.067.051.220
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	17.288.748	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>17.288.748</b>	<b>1.067.051.220</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Lợi nhuận thuần sau thuế	(28.911.858.966)	429.741.019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(28.911.858.966)	429.741.019
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(8.261)</b>	<b>123</b>

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**2. Thông tin về các bên liên quan****2.1. Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP  
Công ty Cổ phần Lilama 45.1  
Công ty CP Lilama 45.4  
Công ty Cổ phần Lilama 18  
Công ty Cổ phần Lilama 10  
Công ty Cổ phần Lilama 7

Cổ đông góp vốn  
Đơn vị thành viên của CĐ góp vốn  
Đơn vị thành viên của CĐ góp vốn  
Đơn vị thành viên của CĐ góp vốn  
Đơn vị thành viên của CĐ góp vốn  
Đơn vị thành viên của CĐ góp vốn

**2.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau**

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Nội dung</u></b>	<b><u>Năm 2018</u></b>	<b><u>Năm 2017</u></b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Doanh thu xây lắp	(283.771.860)	11.816.595.878
	Thu tiền khối lượng, bù trừ công nợ	8.836.141.318	11.867.734.521
	Đào tạo thợ hàn, an toàn lao động		380.912.465
	Mua khí công nghiệp, bảo hộ lao động		431.070.000
	Lãi vay vốn lưu động	2.498.864.472	2.544.722.949
	Sử dụng nhãn hiệu, CP khác	70.782.492	71.824.938
Công ty CP Lilama 45.1	Thuê GC chế tạo, mua dịch vụ		4.505.277.782
	Trả tiền thuê GC, dịch vụ	1.500.000.000	13.555.572.373
Công ty CP Lilama 45.4	Thuê vận chuyển, dịch vụ		4.736.271.471

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong  
thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Trả tiền VC, dịch vụ	3.185.886.935	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	Doanh thu xây lắp		12.563.935.081
	Thu tiền khối lượng		10.465.720.018
Công ty Cổ phần Lilama 10	Thu tiền khối lượng	341.682.570	

**2.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

**2.4. Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban KS, thư ký	1.610.585.488	1.565.053.084

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 03 năm 2019

**Người lập biểu**

  
Nguyễn Văn Sơn

**Kế toán trưởng**

  
Cù Thanh Nghị

